

Số: 7834 /KH-UBND

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 (viết tắt là *Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026-2030*) và Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 24/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia đến năm 2035 (viết tắt là *Nghị quyết số 11-NQ/TU*) và đề nghị của Công an tỉnh tại Công văn số 6559/CAT-PCSQLHC ngày 10/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và quán triệt sâu sắc, toàn diện nội dung Nghị quyết số 11-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tiếp tục kế thừa, phát huy hiệu quả các kết quả tích cực từ Đề án 06 giai đoạn 2022 - 2025; đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

b) Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh, gắn với đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải cách hành chính.

c) Huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị các cấp, phát huy cao quyết tâm chính trị, trách nhiệm gương mẫu, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội; tham gia tích cực của tổ chức, doanh nghiệp và người dân để tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

a) Triển khai Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026-2030 đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Chiến lược dữ liệu tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030 và thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; xác định chỉ tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện cụ thể, tổ chức phân công trách

nhiệm rõ ràng; đồng thời thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, gắn với cơ chế kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, đôn đốc hiệu quả tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Bám sát định hướng của Trung ương, các Chiến lược phát triển kinh tế số, Chiến lược dữ liệu quốc gia, Chiến lược an ninh mạng và các văn bản chỉ đạo, chương trình, đề án quốc gia khác liên quan, vận hành Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 theo nguyên tắc “5-3-3-2-1” (**5 trụ cột trọng tâm**: pháp lý, hạ tầng, dữ liệu, nguồn lực, an toàn - an ninh; triển khai ở **3 cấp chính quyền**; hướng đến **3 giá trị cốt lõi**: văn minh xã hội, phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm; **2 nhóm chủ thể đồng hành**: nhà nước kiến tạo và khu vực tư nhân chủ động sáng tạo; **1 quyết tâm chính trị cao độ của người đứng đầu** trong toàn hệ thống), bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực chất.

c) Thủ trưởng, người đứng đầu các đơn vị, địa phương phải nêu cao gương mẫu, quyết tâm cao, hành động nỗ lực đối với từng nhiệm vụ được giao, lựa chọn nguồn lực thực hiện hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm nguyên tắc 6 rõ: “Rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”, gắn với trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

d) Lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, chủ thể, nguồn lực, động lực của chuyển đổi số. Mọi giải pháp, nền tảng, dịch vụ số cần hướng tới thuận tiện, dễ tiếp cận, an toàn, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

đ) Đảm bảo tập trung, thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương. Phát huy tối đa nguồn lực, đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, an toàn, liên thông, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quốc tế, phù hợp xu hướng phát triển công nghệ mới.

e) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo đúng các quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các mục tiêu chung trên toàn quốc theo Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Thủ tướng Chính phủ, gắn với Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 24/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện Đề án 06 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

b) Đến năm 2030, đảm bảo người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hành chính (*sau đây viết tắt là TTHC*) theo địa giới hành chính. Xây dựng thành công hệ sinh thái dữ liệu dân cư quốc gia kết nối liên thông đa ngành, dữ liệu “Đúng, Đủ, Sạch, Sống, Thống nhất, Dùng chung” được khai thác hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

và yêu cầu quản trị, điều hành đất nước góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia có tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tiên tiến, thuộc nhóm dẫn đầu các nước thu nhập trung bình cao.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 tập trung triển khai 06 nhóm mục tiêu cụ thể như sau:

- **Nhóm 1:** Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành.

- **Nhóm 2:** Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số.

- **Nhóm 3:** Phục vụ phát triển công dân số.

- **Nhóm 4:** Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu.

- **Nhóm 5:** Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- **Nhóm 6:** Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

(Chi tiết các chỉ tiêu và nội dung thực hiện tại Phụ lục I kèm theo).

b) Tầm nhìn đến năm 2035

- Góp phần hướng tới xây dựng Việt Nam trở thành một quốc gia số phát triển bền vững, toàn diện, trong đó mọi giao dịch giữa người dân và chính quyền đều được thực hiện trên môi trường số.

- Các cơ sở dữ liệu quốc gia, với dữ liệu dân cư là hạt nhân, được kết nối, chia sẻ và sử dụng hiệu quả để phục vụ xây dựng Chính phủ thông minh, cho phép ra quyết định trên cơ sở dữ liệu thời gian thực.

- Người dân được thụ hưởng các dịch vụ số được cá nhân hóa, tự động, thuận tiện theo từng sự kiện cuộc đời. Dữ liệu và công nghệ số được ứng dụng sâu rộng trong mọi lĩnh vực: y tế, giáo dục, giao thông, nông nghiệp, tư pháp, an ninh,... Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao nhờ các tiện ích số. Văn hóa số, kỹ năng số trở thành phổ cập trong toàn xã hội.

- Góp phần đưa Việt Nam nằm trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; trở thành trung tâm kết nối dữ liệu và phát triển công nghiệp số quan trọng của khu vực Châu Á.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư

a) Tham mưu góp ý sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, cơ chế thúc đẩy, giám sát trong công tác quản lý nhà nước và phục vụ phát triển công dân số, xã hội số, kinh tế số, chính phủ số phù hợp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Tham mưu góp ý sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thúc đẩy, tạo lập, khai thác và sử dụng dữ liệu; ứng dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế xã hội; phòng ngừa và xử phạt các hành vi vi phạm trong lĩnh vực dữ liệu; các văn bản hướng dẫn bảo vệ an ninh dữ liệu bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

a) Tập trung thực hiện việc tái cấu trúc, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, trong đó: Thực hiện công bố thông tin có trong các cơ sở dữ liệu; xây dựng từ điển dữ liệu dùng chung, tập trung, thống nhất.

b) Triển khai các sáng kiến, mở rộng các hình thức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công, TTHC để tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cung cấp số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của các sở, ngành, địa phương cho các cơ quan truyền thông để công bố, công khai trên các phương tiện truyền thông.

3. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

a) Tập trung xây dựng các không gian thử nghiệm thực tế (sandbox) để cung cấp môi trường thử nghiệm, nghiên cứu, đánh giá, sản phẩm, giải pháp mới, giao diện lập trình ứng dụng (API) và bộ dữ liệu mở, ẩn danh về dân cư, căn cước, định danh.

b) Triển khai thúc đẩy sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các giao dịch, thủ tục; ban hành các danh mục sản phẩm dịch vụ, các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử, đặc biệt các nhóm ngành tác động đến kinh tế số trong các lĩnh vực như: tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, logistics và thương mại điện tử.

c) Nghiên cứu triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng thành phố thông minh như “Bản sao số”, “Mô hình địa điểm số” kết nối, ứng dụng Cơ sở dữ liệu địa điểm, dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu khác.

4. Phục vụ phát triển công dân số

a) Tập trung triển khai các giải pháp để công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ trên môi trường số như: Lấy ý kiến nhân dân về các dự thảo luật, pháp lệnh, văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải; quản lý khai thác, chia sẻ và giám sát việc khai thác, sử dụng dữ liệu công dân; xây dựng ứng dụng VNeID thành nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyển đổi số, phát triển công dân số: **(1)** Lưu trữ dữ liệu số của công dân; **(2)** Định danh xác thực điện tử; **(3)** Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết TTHC; **(4)** Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; **(5)** Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp và người dân với người dân.

b) Hoàn thiện việc tạo lập ví giấy tờ của công dân, tổ chức trên VNeID, tạo lập kho dữ liệu của công dân, tổ chức trên môi trường số theo quy định.

c) Xây dựng các nền tảng số, cung cấp các tiện ích để thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số; hoàn thiện các công cụ số cho công dân như: tài khoản định

danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán,...;

d) Triển khai các cơ chế khuyến khích đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo quy định.

đ) Đẩy mạnh tuyên truyền về kỹ năng số của công dân, xây dựng chương trình đào tạo năng lực số theo các cấp độ phù hợp với từng nhóm đối tượng; đồng thời, tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp học, bậc học và chương trình giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống chính trị, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và khả thi; triển khai các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng “Bình dân học vụ số”; triển khai các tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số.

5. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu

a) Khẩn trương đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Công an để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, phục vụ khai thác sử dụng cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ TTHC.

b) Triển khai kiến trúc dữ liệu tỉnh Khánh Hòa bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP).

6. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

a) Nghiên cứu rà soát mô hình quản trị thông minh, xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

b) Xây dựng các hệ thống giám sát dịch vụ công, cắt giảm TTHC và chỉ số điều hành, phân tích, đo lường hiệu quả kinh tế số và sức khỏe doanh nghiệp gắn với Đề án 06; đo lường mức độ phát triển công dân số; các mô hình dự báo biến động dân số, di cư, nhu cầu dịch vụ công dựa trên dữ liệu thực tế.

c) Triển khai nâng cấp Bản đồ số dân cư, xây dựng trợ lý ảo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

7. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội

a) Tập trung đẩy mạnh việc tích hợp, sử dụng tài khoản an sinh xã hội, triển khai hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội, nền tảng thiện nguyện, nền tảng hiến máu quốc gia và các hệ thống, nền tảng an sinh khác dựa trên dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

b) Triển khai các giải pháp về xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

c) Triển khai các công cụ phân tích mối quan hệ gia đình, xã hội trong dữ liệu

dân cư để phục vụ điều tra, phòng ngừa tội phạm; tích hợp dữ liệu dân cư với cơ sở dữ liệu ADN, căn cước, hồ sơ vụ án; triển khai các giải pháp cảnh báo sớm, thông tin tài khoản phạm tội, phòng, chống lừa đảo, rò rỉ dữ liệu.

8. Bảo đảm an ninh mạng

a) Triển khai Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng tỉnh Khánh Hòa gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước; Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nhà nước có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh - xác thực điện tử.

9. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá triển khai

a) Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ngành, địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Thanh tra công vụ, kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công.

c) Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ngành, địa phương, đảm bảo tuân thủ quy định về bảo mật và khai thác dữ liệu.

d) Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn).

(Đính kèm Phụ lục II: Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các sở, ngành, địa phương có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình và tổng hợp chung vào dự toán của sở, ngành, địa phương mình đề trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị và ý kiến về mặt chuyên môn của các cơ quan liên quan, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động của Kế hoạch triển khai Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030.

2. Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó trưởng Ban Chỉ đạo giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Kế hoạch này.

3. Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 tỉnh

a) Trực tiếp làm việc với các sở, ngành, địa phương để đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này. Định kỳ hàng tháng, đột xuất báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch và tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Trung ương tình hình, kết quả thực hiện tại địa phương.

b) Kinh phí hoạt động của Tổ Công tác được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Công an tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện; kết quả triển khai Kế hoạch là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

b) Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này và các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch, khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện của sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan liên quan gửi về Công an tỉnh **trước ngày 01/7/2026** để theo dõi, phối hợp.

c) Chủ động đề xuất, bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

d) Theo phạm vi chức năng, thực hiện các nhiệm vụ phục vụ xây dựng các Cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

đ) Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân trên địa bàn sử dụng các tiện ích của Đề án 06, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng.

e) Chủ động nghiên cứu, triển khai các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

g) Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên một trong những tiêu chí là kết quả thực hiện Đề án 06 của đơn vị.

h) Theo chức năng, chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ Đề án 06 khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của bộ, ngành Trung ương ngành dọc có liên quan.

i) Đẩy mạnh tự kiểm tra, thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước được giao đối với việc triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và

xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo thẩm quyền. Đối với các nội dung thanh tra, kiểm tra mang tính liên ngành, thanh tra công vụ và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, thực hiện theo quy định.

k) Định kỳ trước (**ngày 10 hàng tháng**) báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao về Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo Bộ Công an và Văn phòng Chính phủ theo quy định.

5. Công an tỉnh

a) Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Kế hoạch này; thực hiện các nội dung nhiệm vụ phục vụ vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn, tính sẵn sàng cao của các hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo chỉ đạo của Bộ Công an.

b) Chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc triển khai Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

c) Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch của các sở, ban, ngành, địa phương; tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Trung ương theo yêu cầu;

d) Tổng hợp, đề xuất khen thưởng các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ giao theo Kế hoạch hoặc xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân chậm triển khai, không đạt yêu cầu gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm theo đúng quy định.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp với Công an tỉnh tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch của các sở, ngành, địa phương, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Trung ương theo yêu cầu.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

7. Sở Nội vụ

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quy định, chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh thẩm định, đề xuất khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, đột phá trong việc triển khai Đề án 06 trên cơ sở đề xuất của Công an tỉnh theo đúng quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tổng hợp các đơn vị chậm trễ, chưa hoàn thành nhiệm vụ giao theo Kế hoạch này trên cơ sở đề xuất của Công an tỉnh; báo cáo, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm theo đúng quy định.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Trên cơ sở đề xuất của Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan, phối hợp tổ chức, tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và hỗ trợ chuyển giao công nghệ để tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng dữ liệu dân cư.

b) Tham mưu triển khai thực hiện khung đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số hàng năm cho các sở, ban, ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Phát huy vai trò Cơ quan thường trực của mạng lưới đổi mới sáng tạo tại địa phương, kết nối chuyên gia hỗ trợ tư vấn chiến lược dữ liệu, thúc đẩy hệ sinh thái dữ liệu quốc gia phát triển theo phạm vi chức năng của địa phương.

9. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo phạm vi chức năng phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính (ngân sách, thuế, hải quan, tài sản công...) và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài chính, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tài chính.

c) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách cho các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch, đảm bảo hiệu quả và tránh lãng phí.

Nhận được Kế hoạch này, đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả, tiến độ thực hiện, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (qua Công an tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức - chính trị xã hội tỉnh;
- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh;
- Các thành viên Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Ngân hàng nhà nước khu vực 10;
- Thuế tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa;
- Phòng: NC, KGVX, KT, TTPVHCC;
- Lưu: VT, ĐT, NgM

(để báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
MỤC TIÊU CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI
ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA
(Kèm theo Kế hoạch số 7834/KH-UBND ngày 18/6/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DỐI
			Năm 2026	Năm 2030	
I	Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành				
1	Tăng xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) so với năm 2025	Thứ hạng	Top 10 tỉnh, thành phố	Top 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước.	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu	%	50	80	Văn phòng UBND tỉnh
3	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu	%	50	80	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh

4	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID	%		100	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh
5	Tỷ lệ cá nhân, doanh nghiệp có tài khoản định danh điện tử được cung cấp phương thức để nhận thông báo từ Cơ quan nhà nước và phản ánh kiến nghị với cơ quan nhà nước qua VNeID	%	100		Công an tỉnh
6	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công	%	80	90	Văn phòng UBND tỉnh
7	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công	%	95		Sở Nội vụ, Công an tỉnh
8	Tích hợp hệ thống Trung tâm điều hành thông minh với hệ thống Trung tâm dữ liệu dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	%	100		Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ phổ cập địa chỉ số, định danh địa điểm đối với nhà ở và trụ sở cơ quan tổ chức	%		100	Công an tỉnh, Sở Xây dựng
10	Tỷ lệ các thủ tục hành chính, dịch vụ công được nộp hồ sơ "phi địa giới"	%	100		Văn phòng UBND tỉnh
II	Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số				
1	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công	%	60	80	Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử được định danh điện tử và kết nối thông tin kinh doanh với cơ quan thuế để đảm bảo kê khai - nộp thuế minh bạch	%	100		Sở Công thương, Thuế tỉnh, Công an tỉnh

3	Tỷ lệ khách hàng có thể định danh, xác thực bằng thẻ Căn cước và tài khoản VNeID khi sử dụng dịch vụ tài chính	%	50	100	Sở Tài chính, Công an tỉnh
4	Tỷ lệ thông tin thuê bao di động được xác thực với CSDLQG về dân cư, căn cước hoặc định danh điện tử	%	100		Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh
5	Tỷ lệ bệnh viện, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng thẻ căn cước thay thế thẻ BHYT, thẻ sinh viên	%	50	80	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh
6	Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử và vận chuyển sử dụng dữ liệu địa điểm	%		100	Sở Công thương, Công an tỉnh
7	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khai thác	%	60	95	Ngân hàng nhà nước khu vực 10
8	Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử sử dụng thanh toán điện tử	%	80	90	Sở Công thương, Ngân hàng nhà nước khu vực 10
9	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt đạt 30 lần GDP	lần GDP	27	30	Ngân hàng nhà nước khu vực 10

10	Triển khai mở rộng mô hình sử dụng thẻ căn cước thay thẻ ngân hàng	%		100	Ngân hàng nhà nước khu vực 10
11	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, dùng thống nhất trong khám chữa bệnh	%		100	Sở Y tế
12	Bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông đồng bộ giữa các hệ thống: Hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử và bảo hiểm y tế	%		100	Sở Y tế
13	Mỗi người dân sẽ có một số sức khỏe điện tử cá nhân được theo dõi suốt vòng đời	%		100	Sở Y tế
III	Phục vụ phát triển công dân số				
1	Đảm bảo mỗi công dân được cấp căn cước, có một danh tính điện tử duy nhất, an toàn và được pháp luật bảo vệ	%	100		Công an tỉnh
2	Tỷ lệ người dân Việt Nam được cấp căn cước có tài khoản định danh điện tử mức độ 2	%	≥80	100	Công an tỉnh
3	Cấp tài khoản định danh điện tử cho người nước ngoài	%	100		Công an tỉnh
4	Số lượng tài khoản VNeID hoạt động thường xuyên	%	40	70	Công an tỉnh
5	Tỷ lệ cán bộ cơ quan nhà nước được tập huấn kỹ năng số cơ bản	%	100		Sở Nội vụ
6	Hoàn thành phổ cập kỹ năng số cơ bản cho lực lượng lao động	%	50	90	Sở Nội vụ
7	Các chương trình phổ cập kỹ năng số, an toàn trong không gian mạng được đưa vào các trường học	%	100		Sở Giáo dục và Đào tạo

8	Tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID	Tài khoản	≥ 800.000	$\geq 1.400.000$	Công an tỉnh
IV	Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu				
1	Hoàn thành việc ban hành danh mục trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định cụ thể các trường thông tin tham chiếu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức, người nước ngoài	%	100		Sở Khoa học và Công nghệ
2	Số hóa tạo lập dùng chung cho các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được tạo lập qua hệ thống số hóa dùng chung, không yêu cầu công dân kê khai giấy	%	≥ 50	≥ 80	Công an tỉnh
3	Tỷ lệ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh được xây dựng tạo lập và tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Trung tâm dữ liệu quốc gia	%	70	100	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tỷ lệ thủ tục hành chính có kết quả giải quyết được tích hợp, đồng bộ về VNeID phục vụ cắt giảm thủ tục hành chính	%		100	Văn phòng UBND tỉnh
5	Đảm bảo hạ tầng phục vụ phát triển công dân số	hạ tầng		đảm bảo	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 5G	%		99	Sở Khoa học và Công nghệ
V	Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội				
1	Tỷ lệ công dân có tài khoản hưởng an sinh xã hội	%	50	100	Công an tỉnh
2	Tỷ lệ người hưởng trợ cấp, lương hưu nhận qua tài khoản an sinh xã hội	%	≥ 50	100	Sở Nội vụ

3	Triển khai hệ thống tích hợp phục vụ chi trả an sinh xã hội theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ	Hệ thống	1		Sở Nội vụ
4	Tỷ lệ tội phạm sử dụng giấy tờ giả, danh tính giả giảm	%	≥ 70	80	Công an tỉnh
5	Tỷ lệ thông tin đối tượng vi phạm pháp luật có thể tra cứu qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	%	100		Công an tỉnh
6	Triển khai hệ thống camera phục vụ mô hình đô thị thông minh	Hệ thống		1	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Hoàn thành việc cập nhật, đồng bộ dữ liệu lên cơ sở dữ liệu có liên quan phục vụ chi trả an sinh xã hội	%		100	Sở Nội vụ
8	An ninh trật tự trị an được bảo đảm, tội phạm lừa đảo giảm so với năm 2025	%		50	Công an tỉnh
VI	Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo				
1	Triển khai bộ dữ liệu mẫu, bộ dữ liệu mở được ấn định danh về dân cư, căn cước, định danh, các thông tin tích hợp trên VNeID phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo	Bộ dữ liệu được triển khai	1		Công an tỉnh
2	Tỷ lệ nhà trường đăng ký triển khai các giải pháp công nghệ mới gửi về các bộ, ngành được phê duyệt triển khai, cấp kinh phí đầu tư mạo hiểm, chấp nhận rủi ro	%	≥ 50	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Phát động cuộc thi, nghiên cứu về ứng dụng dữ liệu với cuộc sống	%	50		Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT
TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 7834 /KH-UBND ngày 18 /6/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
I	Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư				
1	Triển khai Luật sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Luật được ban hành	Luật sửa đổi được triển khai
2	Triển khai Luật sửa đổi Luật Cư trú để đảm bảo công tác quản lý cư trú trong tình hình mới.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Luật được ban hành	Luật sửa đổi được triển khai

3	Triển khai Luật Định danh và xác thực điện tử	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Luật được ban hành	Luật được triển khai
4	Triển khai Nghị quyết của Chính phủ về đấu giá tài sản công trực tuyến theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Nghị quyết được ban hành	Nghị quyết được triển khai
5	Triển khai Nghị quyết về phát triển Công dân số theo hình thức quy phạm pháp luật.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Nghị quyết được ban hành	Nghị quyết được triển khai
6	Triển khai Nghị định xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực dữ liệu	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Nghị định được ban hành	Văn bản quy phạm pháp luật được triển khai
7	Triển khai Nghị định quy định hoạt động sản dữ liệu	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Nghị định được ban hành	Văn bản quy phạm pháp luật được triển khai
8	Triển khai Nghị định quy định về hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Nghị định được ban hành	Văn bản quy phạm pháp luật được triển khai

9	Triển khai Nghị định quy định về định danh địa điểm	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Nghị định được ban hành	Văn bản quy phạm pháp luật được triển khai
10	Triển khai Nghị định về cơ chế đột phá cho hoạt động của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu với các cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Nghị định được ban hành	Văn bản quy phạm pháp luật được triển khai
11	Triển khai Nghị định sửa đổi Nghị định 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ Quy định về định danh và xác thực điện tử	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi Nghị định được ban hành	Văn bản quy phạm pháp luật được triển khai
12	Triển khai văn bản quy phạm pháp luật quy định về định danh truy xuất nguồn gốc hóa chất, tiền chất	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi các văn bản được ban hành	Văn bản quy phạm pháp luật được triển khai
13	Triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi văn bản được ban hành	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được triển khai
14	Triển khai hướng dẫn kỹ thuật, kiến trúc thống nhất về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Trong đó, tích hợp, sử dụng một tài khoản duy nhất đăng nhập một lần truy cập xuyên suốt các phần mềm, hệ thống.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi hướng dẫn được ban hành	Tài liệu hướng dẫn được triển khai

15	Triển khai Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi hướng dẫn được ban hành	Văn bản triển khai
16	Triển khai các văn bản quy phạm, hướng dẫn bảo vệ an ninh dữ liệu, bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất hạ tầng, ứng dụng theo quy định	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Văn bản triển khai
17	Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công để đề xuất sửa đổi, bổ sung để khuyến khích phát triển công dân số	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung
II	Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến				
1	Phối hợp kết nối, tích hợp đăng nhập tài khoản định danh, đặc biệt tài khoản định danh tổ chức, người nước ngoài phục vụ dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính;	Công an tỉnh	Bộ Công an	Tháng 12/2026	VNeID được tích hợp đăng nhập giải quyết thủ tục hành chính cho tất cả các đối tượng
2	Nghiên cứu đề xuất giải pháp “Trạm công dân số” tại các địa điểm công cộng, cơ quan hành chính và trung tâm dịch vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Sở Y tế, Văn phòng UBND tỉnh, UBND các xã, phường	Tháng 1/2027	Giải pháp “Trạm công dân số” được đưa vào triển khai phổ cập
3	Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, các	Thực hiện thường xuyên	

			tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan Đảng tỉnh	(hoàn thành việc kết nối trong năm 2026)	
III	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội				
1	Công bố Danh mục nền tảng, sản phẩm số thuộc ngành, lĩnh vực tích hợp, ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử.	Các sở, ngành, địa phương	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Sau khi các danh mục được ban hành	Danh mục nền tảng, sản phẩm số từng ngành, lĩnh vực được ban hành, bảo đảm tích hợp và ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh
2	Nghiên cứu “Bản sao số” dựa trên Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm, gắn với dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu camera, các cảm biến hình thành mô hình thành phố thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 1/2030	Mô hình thành phố thông minh được triển khai, đi vào vận hành
IV	Phục vụ phát triển công dân số				
1	Triển khai chương trình đào tạo năng lực số theo các cấp độ (cơ bản, trung cấp, nâng cao, chuyên sâu) phù hợp với từng nhóm đối tượng; đồng thời tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp học, bậc học và chương trình giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống chính trị, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và khả thi	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, sở Nội vụ, Tỉnh Đoàn	Triển khai từ 2026, thực hiện thường xuyên	Chương trình đào tạo năng lực số được xây dựng, tích hợp vào các chương trình giáo dục hiện có

2	Cung cấp các tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn trên nền tảng Bình dân học vụ số do Bộ Công an phát triển	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Học liệu về các lĩnh vực được tích hợp lên nền tảng Bình dân học vụ số
3	Triển khai tham gia các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng "Bình dân học vụ số" do Bộ Công an phát triển	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức chính trị, xã hội	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Các khóa đào tạo trên nền tảng học tập trực tuyến
4	Xây dựng phương án bố trí kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính	Thực hiện thường xuyên	Triển khai hiệu quả nền tảng Bình dân học vụ số;
5	Xây dựng phương án bố trí kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mô hình chợ số - nông thôn số	UBND các xã, phường	Sở Tài chính	Thực hiện thường xuyên	
6	Bố trí ngân sách ưu tiên hỗ trợ thiết bị phục vụ phát triển kỹ năng số cho cán bộ, công chức cũng như người dân. Các sở, ngành, địa phương tăng cường, đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách miễn giảm thuế, phí hỗ trợ người yếu thế	Các sở, ngành, địa phương	Sở Tài chính, Thuế tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Người yếu thế được hưởng các chính sách miễn giảm thuế, phí trong các hoạt động đời sống xã hội

7	Triển khai Hướng dẫn chi tiết việc thực hiện chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, thủ tục hành chính trực tuyến theo quy định.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Tài chính, Thuế tỉnh	Sau khi Hướng dẫn được ban hành	Hướng dẫn thực hiện chính sách
8	Tuyên truyền việc phát triển ứng dụng VNeID thành nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyển đổi số, phát triển công dân số: (1) Lưu trữ dữ liệu số của công dân; (2) Định danh xác thực điện tử; (3) Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính; (4) Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; (5) Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp, và người dân với người dân; (6) Các tiện ích khác.	Các sở, ngành, địa phương		Đánh giá theo các mốc năm 2027, 2030	Hệ thống VNeID được tuyên truyền và sử dụng rộng rãi
9	Hướng dẫn các cơ sở y tế kết nối, chia sẻ dữ liệu để triển khai Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID	Sở Y tế	Công an tỉnh	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Y tế	Dữ liệu y tế được chia sẻ
V	Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu				
1	Ban hành trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định cụ thể các trường thông tin tham chiếu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức, người nước ngoài.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành	Quý I/2027	Danh mục bộ trưởng thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu được ban hành, cập nhật lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung và

					kết nối với CSDLQG về dân cư
2	Triển khai, đưa vào sử dụng các CSDL quốc gia, chuyên ngành theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 214/NQ-CP đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.	Các sở, ban, ngành địa phương, tổ chức chính trị - xã hội	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Theo tiến độ đã được giao	Dữ liệu được đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia
3	Triển khai nền tảng chuỗi khối quốc gia	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 3/2028	Hệ thống được triển khai theo hướng dẫn của Bộ Công an
4	Phối hợp xây dựng hệ thống định danh phi tập trung quốc gia	Bộ Công an	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 3/2028	Hệ thống được đưa vào vận hành
5	Phối hợp xây dựng nền tảng quốc gia về định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Bộ Công an	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 3/2028	Hệ thống được đưa vào vận hành
VI	Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành				
1	Nghiên cứu mô hình quản trị điều hành dựa trên bản sao số trên nền tảng định danh địa điểm	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND	Tháng 3/2028	Mô hình được triển khai thí điểm

			các xã, phường		
2	Rà soát, đề xuất Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chữ ký số cá nhân cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định để xử lý công việc trên môi trường điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được cấp chữ ký số trên môi trường điện tử và được sử dụng giải pháp, sản phẩm bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định
3	Triển khai các giải pháp bảo mật thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	
4	Xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh để kết nối, chia sẻ thông tin về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 12/2026	Đồng bộ dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành
5	Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu dân cư, phát triển công cụ phân tích, dự báo phục vụ công tác chỉ đạo điều hành	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thực hiện thường xuyên đến tháng 01/2028	+ Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số trong ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực

					+ Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh, an ninh trật tự.
VII	An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội				
1	Xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để xử lý SIM rác	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Thực hiện thường xuyên	Tất cả các thông tin thuê bao di động được xác thực với cơ sở dữ liệu định danh điện tử quốc gia
2	Xác thực thông tin tài khoản ngân hàng với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để xử lý tài khoản ảo	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 10	Các đơn vị liên quan	Thực hiện thường xuyên	Tất cả các tài khoản ngân hàng được xác thực với cơ sở dữ liệu định danh điện tử quốc gia
3	Triển khai hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; phổ cập tài khoản an sinh xã hội trên VNeID	Công an tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Ngân hàng nhà nước khu vực 10	Tháng 1/2028	Hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử đi vào vận hành

4	Triển khai chi trả an sinh xã hội kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử để chi trả lương hưu, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản chi trả khác của cơ quan nhà nước đến người dân	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, UBND các xã, phường	Tháng 02/2027	Hoàn thành kết nối vào thực hiện chi trả
5	Đồng bộ dữ liệu thất nghiệp, dữ liệu việc làm, các nguồn dữ liệu khác về hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ chi trả an sinh xã hội để phân tích, hoạch định chi trả và phòng chống tội phạm	Sở Nội vụ		Thực hiện thường xuyên	Kho dữ liệu tổng hợp về an sinh xã hội, việc làm, thất nghiệp phục vụ phân tích, dự báo
VIII	Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống, nền tảng kết nối				
1	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp giám sát an ninh mạng, an ninh dữ liệu gắn với các trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan hành chính nhà nước	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 12/2026	Hệ thống giám sát an ninh mạng đi vào hoạt động
2	Nghiên cứu đề xuất nâng cấp, mở rộng quy mô, phạm vi, năng lực toàn diện cho các giải pháp bảo đảm an ninh mạng tiên tiến, hiện đại tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, hướng tới đạt chứng chỉ quốc tế ISO 27001.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 6/2028	Hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư được nâng cấp, triển khai đáp ứng
3	Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống, thiết bị được rà soát, triển khai đảm bảo
IX	Thanh tra, kiểm tra, giám sát				

1	Kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ngành, địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	
2	Thanh tra công vụ, kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	
3	Kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ngành, địa phương, đảm bảo tuân thủ quy định về bảo mật và khai thác dữ liệu	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	
4	Kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nhà nước có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh - xác thực điện tử	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống được kiểm tra đảm bảo an ninh, an toàn
5	Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đưa kết quả thực hiện Đề án 06 là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao	Công an tỉnh, Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	